

Mời các em học sinh tham khảo ngay nội dung hướng dẫn giải câu hỏi trắc nghiệm Sinh 9 Bài 12: Cơ chế xác định giới tính có đáp án chi tiết, dễ hiểu nhất dưới đây sẽ giúp bạn đọc hiểu rõ hơn về bài học này, từ đó chuẩn bị tốt cho tiết học sắp tới nhé.

Bộ 15 bài tập trắc nghiệm Sinh 9 Bài 12: Cơ chế xác định giới tính

Câu 1: Điểm giống nhau về NST giới tính ở tất cả các loài sinh vật phân tính là

- A. Luôn giống nhau giữa cá thể đực và cá thể cái.
- B. Đều chỉ có một cặp trong tế bào 2n.
- C. Đều là cặp XX ở giới cái
- D. Đều là cặp XY ở giới đực.

Câu 2: Đặc điểm của NST giới tính là

- A. Có nhiều cặp trong tế bào sinh dưỡng
- B. Có 1 đến 2 cặp trong tế bào
- C. Số cặp trong tế bào thay đổi tùy loại
- D. Luôn chỉ có một cặp trong tế bào sinh dưỡng

Câu 3: Vì sao nói cặp XY là cặp tương đồng không hoàn toàn?

- A. Vì NST X mang nhiều gen hơn NST Y.
- B. Vì NST X có đoạn mang gen còn NST Y thì không có gen tương ứng.
- C. Vì NST X và Y đều có đoạn mang cặp gen tương ứng.
- D. Vì NST X dài hơn NST Y.

Câu 4: Trong tế bào 2n ở người, kí hiệu của cặp NST giới tính là:

- A. XX ở nữ và XY ở nam
- B. XX ở nam và XY ở nữ
- C. ở nữ và nam đều có cặp tương đồng XX
- D. Ở nữ và nam đều có cặp không tương đồng XY

Câu 5: Chức năng của NST giới tính là

- A. Điều khiển tổng hợp prôtêin cho tế bào
- B. Nuôi dưỡng cơ thể
- C. Xác định giới tính
- D. Tất cả các chức năng nêu trên

Câu 6: Điểm giống nhau giữa NST thường và NST giới tính là

1. Đều mang gen quy định tính trạng thường.
2. Đều có thành phần hoá học chủ yếu là prôtêin và axit nuclêic.
3. Đều ảnh hưởng đến sự xác định giới tính.
4. Đều có cá khả năng nhân đôi, phân li và tổ hợp cũng như biến đổi hình thái trong chu kì phân bào.
5. Đều có thể bị biến đổi cấu trúc và số lượng.

Số phương án đúng là:

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 7: Vì sao nói cặp XY là cặp tương đồng không hoàn toàn?

- A. Vì NST X mang nhiều gen hơn NST Y
- B. Vì NST X có đoạn mang gen còn NST Y thì không có gen tương ứng
- C. Vì NST X và Y đều có đoạn mang cặp gen tương ứng
- D. Vì NST X dài hơn NST Y

Câu 8: Ở người, "giới đồng giao tử" dùng để chỉ

- A. Người nữ
- B. Người nam
- C. Cả nam lẫn nữ
- D. Nam vào giai đoạn dậy thì

Câu 9: Cơ chế xác định giới tính ở các loài sinh vật đơn tính

- A. Do con đực quyết định
- B. Do con cái quyết định
- C. Tùy thuộc giới nào là giới dị giao tử
- D. Cả ba ý trên đều đúng

Câu 10: Câu có nội dung đúng dưới đây khi nói về người là

- A. Người nữ tạo ra 2 loại trứng là X và Y.
- B. Người nam chỉ tạo ra 1 loại tinh trùng X.
- C. Người nữ chỉ tạo ra 1 loại trứng Y.
- D. Người nam tạo 2 loại tinh trùng là X và Y.

Câu 11: Hiện tượng cân bằng giới tính là

- A. Tỷ lệ đực : cái xấp xỉ 1 : 1 tính trên số lượng cá thể lớn của một loài động vật phân tính.
- B. Tỷ lệ cá thể đực và cái ngang nhau trong một quần thể giao phối.
- C. Tỷ lệ cá thể đực cái ngang nhau trong một lần sinh sản.
- D. Cơ hội trứng thụ tinh với tinh trùng X và tinh trùng Y ngang nhau.

Câu 12: Nguyên nhân của hiện tượng cân bằng giới tính là

- A. Do tỉ lệ giao tử mang NST giới tính X bằng Y hay X bằng O.
- B. Tuân theo quy luật số lớn.
- C. Do quá trình tiến hoá của loài.
- D. Cả A và B đều đúng.

Câu 13: Nội dung nào sau đây đúng?

- A. NST thường và NST giới tính đều có các khả năng hoạt động như nhân đôi, phân li, tổ hợp, biến đổi hình thái và trao đổi đoạn.
- B. NST thường và NST giới tính luôn luôn tồn tại từng cặp.

C. Cặp NST giới tính trong tế bào cá thể cái thì đồng dạng còn ở giới đực thì không.

D. NST giới tính chỉ có ở động vật, không tìm thấy ở thực vật.

Câu 14: Câu có nội dung đúng khi nói về sự tạo giao tử ở người là

A. Người nữ tạo ra hai loại trứng là X và Y

B. Người nam chỉ tạo ra 1 loại tinh trùng X

C. Người nữ chỉ tạo ra một loại trứng Y

D. Người nam tạo ra 2 loại tinh trùng là X và Y

Câu 15: Ở đa số các loài thú, giới tính được xác định ở thời điểm nào?

A. Sau khi thụ tinh, do tinh trùng quyết định

B. Trước khi thụ tinh, do trứng quyết định

C. Trong khi thụ tinh

D. Sau khi thụ tinh do môi trường quyết định

Đáp án bộ câu hỏi trắc nghiệm Sinh lớp 9 Bài 12: Cơ chế xác định giới tính

Câu 1: B

Câu 2: D

Câu 3: B

Câu 4: A

Câu 5: C

Câu 6: C

Câu 7: B

Câu 8: A

Câu 9: D

Câu 10: D

Câu 11: A

Câu 12: D

Câu 13: A

Câu 14: D

Câu 15: A